TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 127/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 4 - 2019
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình " L**y hôn và nuôi con**"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG.

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Chiến - Thẩm phán
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Thái Công Sết
2. Ông Võ Thái Quân

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phạm Minh Cảnh - Thư ký Toà án nhân dân Hện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Phú Tân tham gia phiên tòa: Không tham gia

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Hện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019, về tranh chấp hôn nhân và gia đình *"ly hôn và nuôi con*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST-HN ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Th,** sinh năm 1986
Địa chỉ: Tổ 13, ấp Bình T 1, xã Phú B, Hện Phú T, tỉnh An Giang.
- *Bị đơn:* Anh **Lê Văn Q,** sinh năm 1985
Địa chỉ: Tổ 13, ấp Bình T1, xã Phú B, Hện Phú T, tỉnh An Giang.

(Chị Th anh Q đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Căn cứ đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Trần Thị Th trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Q tự tìm hiểu quen biết nhau được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2004, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung gia đình bên gia đình anh Q được 2 năm, vợ chồng làm ăn tự mua nền đất xây nhà ra sống riêng (gần nhà cha mẹ anh Q). Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm đến năm 2012 thì vợ chồng gởi con cho ông bà Nội cùng nhau lên Bình Dương mướn nhà trọ ở để đi làm công nhân trong Công ty ở Bình Dương. Vợ chồng cùng làm chung 1 Công ty được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q lo ăn chơi cờ bạc thiếu nợ từ đó vợ

chồng thường xuyên cự cải nhau, chị nhiều lần kHên can để anh sửa đổi tính tình nhưng anh không sửa đổi. Đến khoảng giữa năm 2016 chị thấy kHên can anh Q không được nên chị dọn ra sống riêng vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn Q.

* Anh Lê Văn Q trình bày: Anh và Chị Th tự tìm hiểu quen biết nhau được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2004, không có đăng ký kết hôn. Sau khi ưới vợ chồng sống chung gia đình anh được 2 năm, vợ chồng làm ăn tự mua nền đất xây nhà ra sống riêng. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm đến năm 2012 thì vợ chồng gởi con cho ông bà Nội cùng nhau lên Bình Dương làm công nhân. Vợ chồng làm chung 1 Công ty được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do làm ăn thiếu nợ nên phát sinh cự cải, tình tính không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày. Đến khoảng giữa năm 2016 Chị Th dọn ra sống riêng rồi vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên anh đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Th.

- Về con chung, tài sản và nợ chung chị Trần Thị Th và anh Lê Văn Q thống nhất trình bày:

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Hoàng H, sinh năm 2005 và cháu Lê Thị Kim Ng, sinh năm 04/9/2007. Hiện nay 2 cháu đang sống với anh Q. Khi ly hôn Chị Th, anh Q thống nhất giao 02 cháu cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng, Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng 02 cháu H và Ng cũng muốn sống với anh Q.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ phải thu, phải trả: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Th và bị đơn anh Lê Văn Q đều có đơn xin vắng mặt khi xét xử, nhưng anh chị có lời trình bày rõ ràng và việc vắng mặt không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, nên HĐXX xét xử vắng mặt anh, chị theo Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự để đảm bảo quyền lợi cho các bên và hiện nay anh Q đăng ký hộ khẩu thường trú tại: ấp Bình T 1, xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang. Nên Chị Th khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về nội dung: Xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, hôn nhân của anh, chị được xác lập năm 2004 trên cơ sở tự tìm hiểu, cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn, Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau vợ chồng vẫn thường xuyên cự cải do anh Q lo ăn chơi cờ bạc thiếu nợ, thời gian ly thân Chị Th, anh Q không tạo điều kiện để hàn gắn với nhau, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù anh chị thuận tình ly hôn nhưng do anh chị không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận vì hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp do vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó để cho anh, chị có cuộc sống riêng, nên HĐXX không công nhận giữa anh, chị là vợ chồng theo quy định tại Điều 89 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Lê Hoàng H, sinh năm 2005 và cháu Lê Thị Kim Ng, sinh năm 04/9/2007. Hiện nay 2 cháu đang sống với anh Q. Khi ly hôn Chị Th, anh Q thống nhất giao 02 cháu cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng, Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng 02 cháu H và Ng cũng muốn sống với anh Q. HĐXX xét thấy việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chưa thành niên, nên công nhận sự thỏa thuận của anh, chị theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về quan hệ tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày đương sự không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì Chị Th và anh Q phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị Th là người xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn nhân theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 53 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 26; Điều 27; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị Th và anh Lê Văn Q là vợ chồng.

2.Về quan hệ con chung: Anh Lê Văn Q được tiếp tục, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Lê Hoàng H, sinh năm 2005 và Lê Thị Kim Ng, sinh năm 04/9/2007 đến thành niên hoặc tự lập được, chị Trần Thị Th không cấp dưỡng cho con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gở và chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con

3.Về quan hệ tài sản và nợ chung: không đặt ra để giải quyết

4.Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005578 ngày 20/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Phú Tân, tỉnh An Giang. Anh Q không phải chịu án phí.

Chị Trần Thị Th và anh Lê Văn Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản sao Bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Văn Chiến

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Hện;
- Cơ quan Thi hành án Hện;
- Lưu.